

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 28 – 12 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ 37, ấp Bình Hòa, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Võ Minh D, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Tổ 23, ấp Bình Nghĩa, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2018, N đơn chị H trình bày như sau:

Chị H và anh D chung sống như vợ chồng vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau anh D không còn yêu thương, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2016 đến nay. Nay chị H xin ly hôn với anh D. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Võ Ngọc Thảo N sinh ngày 09/3/2004 và Võ Huỳnh Quốc K sinh ngày 13/01/2007, hiện hai con đang sống với anh D. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi Thảo N, còn anh D nuôi Quốc K. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D hợp lệ nhưng anh D vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn.

Tại phiên tòa:

- N đơn vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện ly hôn; đồng ý giao hai con chung cho anh D tiếp tục nuôi, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền là 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn : Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: N đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị H và anh D chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H giữ yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh D.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Ngọc Thảo N, sinh ngày 09/3/2004 và Võ Huỳnh Quốc K sinh ngày 13/01/2007. Hiện hai con chung đang sống với anh D, nguyện vọng của hai con là được sống với anh D. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo ổn định cuộc sống cho hai cháu Thảo N, Quốc K nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, tại phiên tòa chị H tự nguyện cấp dưỡng cho hai con chung với số tiền là 1.000.000đ/tháng/hai con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Nghĩa, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý,

giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Các đương sự có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, không còn tình cảm với anh D nên không thể tiếp tục chung sống, thời gian ly thân đã lâu, anh D không có ý kiến bằng văn bản hoặc đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị H, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Ngọc H với anh Võ Minh D.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, có 02 con chung tên Võ Ngọc Thảo N, sinh ngày 09/3/2004 và Võ Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/01/2007, hiện hai con đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, hai cháu Thảo N và Quốc K có nguyện vọng được sống với anh D. Tại phiên tòa, chị H đồng ý giao hai con cho anh D tiếp tục nuôi, đảm bảo cuộc sống của cháu Thảo N và Quốc K, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho anh D tiếp tục nuôi. Về cấp dưỡng cho hai con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng cho hai con chung số tiền 1.000.000đ/tháng/hai con. Hội đồng xét xử công nhận tự nguyện của chị H cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Phương Em phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010060 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị H còn phải nộp thêm 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Ngọc H với anh Võ Minh D.

- Về quan hệ con chung: Anh Võ Minh D trực tiếp nuôi con 02 chung tên Võ Ngọc Thảo N sinh ngày 09/3/2004 và Võ Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/01/2007;

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Ngọc H cấp dưỡng cho hai con chung Thảo N và Quốc K với số tiền 1.000.000đ/tháng/hai con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

+ Anh Võ Minh D cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Huỳnh Thị Minh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: N đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010060 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị H còn phải nộp thêm 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng cho con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Anh

